

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ
VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN NGÀY 30/06/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp điện Thiên Trường (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt giai đoạn và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Hữu Tuấn	Chủ tịch
Ông Mai Vũ Thạch	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên
Ông Mai Tùng Lâm	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Mai Vũ Thạch	Giám đốc
Ông Vũ Quốc Trị	Phó Giám đốc
Ông Vi Trung Sơn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 20, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Mai Vũ Thạch

Giám đốc

Nam Định, ngày 10 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp điện Thiên Trường (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Trần Văn Thúc
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 554/KTV
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Hồng Hiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1117/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		31.564.404.634	39.597.797.621
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.829.289.820	4.144.658.300
1. Tiền	111	4.1	1.829.289.820	4.144.658.300
III. Phải thu ngắn hạn	130	4.2	16.423.273.087	20.472.269.121
1. Phải thu khách hàng	131		12.852.552.532	20.059.265.515
2. Trả trước cho người bán	132		3.984.309.990	413.003.606
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(413.589.435)	-
IV. Hàng tồn kho	140		12.711.841.727	14.701.627.118
1. Hàng tồn kho	141	4.3	12.711.841.727	14.701.627.118
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		600.000.000	279.243.082
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	58.344.182
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.4	600.000.000	220.898.900
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		7.729.178.379	8.023.120.506
II. Tài sản cố định	220		7.729.178.379	8.023.120.506
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	7.629.392.866	6.817.939.082
- Nguyên giá	222		8.805.901.062	7.704.365.624
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.176.508.196)	(886.426.542)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.6	99.785.513	103.645.986
- Nguyên giá	228		125.252.000	125.252.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.466.487)	(21.606.014)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	1.101.535.438
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		39.293.583.013	47.620.918.127

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		9.755.017.663	18.322.852.243
I. Nợ ngắn hạn	310		9.377.842.298	17.725.676.878
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.7	3.935.337.800	7.550.000.000
2. Phải trả người bán	312		2.990.760.641	8.060.608.512
3. Người mua trả tiền trước	313		402.848.000	440.408.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.8	1.997.840.541	1.674.660.366
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		1.055.316	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		50.000.000	-
II. Nợ dài hạn	330		377.175.365	597.175.365
4. Vay và nợ dài hạn	334	4.9	360.000.000	580.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		17.175.365	17.175.365
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400	4.10	29.538.565.350	29.298.065.884
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410		29.538.565.350	29.298.065.884
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		50.000.000	-
8. Quỹ Dự phòng tài chính	418		50.000.000	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.438.565.350	4.298.065.884
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		39.293.583.013	47.620.918.127

Mai Vũ Thạch**Giám đốc**

Nam Định, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Trần Thị Hồng Mến**Kế toán trưởng**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.11	10.246.145.088	15.627.608.910
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		10.246.145.088	15.627.608.910
4. Giá vốn hàng bán	11	4.12	7.568.911.489	11.596.903.977
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.677.233.599	4.030.704.933
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.13	9.818.064	4.692.678
7. Chi phí tài chính	22	4.14	713.541.345	190.538.973
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		692.583.933	190.538.973
8. Chi phí bán hàng	24		-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.441.115.519	899.142.045
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		532.394.799	2.945.716.593
11. Thu nhập khác	31		-	
12. Chi phí khác	32		133.002.307	440.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(133.002.307)	(440.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		399.392.492	2.945.276.593
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.15	108.893.026	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		290.499.466	2.945.276.593
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16	116	1.399

Mai Vũ Thạch

Giám đốc

Nam Định, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Trần Thị Hồng Mến

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		399.392.492	2.945.276.593
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		293.942.127	93.376.282
- Các khoản dự phòng	03		413.589.435	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.818.064)	(4.692.678)
- Chi phí lãi vay	06		692.583.933	190.538.973
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.789.689.923	3.224.499.170
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.074.017.429	(7.495.732.302)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.989.785.391	1.005.527.837
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.688.819.924)	(713.377.110)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		58.344.182	(51.036.182)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(692.583.933)	(189.148.153)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(546.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(20.957.412)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.509.475.656	(4.219.812.740)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.818.064	4.692.678
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.818.064	4.692.678
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	4.058.505.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.985.337.800	3.400.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.820.000.000)	(2.920.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.834.662.200)	4.538.505.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.315.368.480)	323.384.938
(50 = 20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.144.658.300	607.409.557
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.829.289.820	930.794.495
(70 = 50+60+61)				

Mai Vũ Thạch

Giám đốc

Nam Định, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Trần Thị Hồng Mến

Kê toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0600324084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 22 tháng 04 năm 2010 trên cơ sở chuyển đổi tên gọi từ Công ty Cổ phần Thuận Hưng.

Công ty Cổ phần Thuận Hưng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000328 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2003.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV; San lấp mặt bằng; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sản xuất, mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Mua bán vật tư, thiết bị ngành điện; Mua bán lương thực, hàng nông, lâm thủy sản, phân bón nông nghiệp; Sản xuất các mặt hàng nhựa, cơ khí xuất khẩu; Sản xuất, mua bán hàng may mặc công nghiệp xuất khẩu; Mua bán điện thoại các loại; Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông; Mua bán các thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, hoá chất ngành in; Vận tải hàng hoá và hành khách theo hợp đồng; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Khai thác, mua bán khoáng sản, vật liệu xây dựng; Mua bán cho thuê máy móc, thiết bị công trình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

2.2 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Chế độ kế toán áp dụng và thực hiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DNN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT -BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

3.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04

3.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DNN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận trên cơ sở quyết toán A - B và phát hành hoá đơn cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.9 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán dựa trên các Biên bản nghiệm thu, quyết toán từng phần hoặc toàn bộ công trình.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí vay ngắn hạn và dài hạn của đơn vị đều phục vụ cho công trình có thời hạn dưới 12 tháng được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Thuế

Công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo biên bản xác nhận đăng ký đầu tư dự án, số 07121000076 ngày 14 tháng 08 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định thì Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 3 năm tiếp theo đối với hoạt động của dự án “Xưởng sản xuất cơ khí và hàng mĩ nghệ. Các loại sản phẩm thuộc dự án này bao gồm: xà điện, bulông, lọ hoa tre và khay tre”

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DNN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.814.595.884	65.779.953
Tiền gửi ngân hàng	14.693.936	4.078.878.347
Cộng	1.829.289.820	4.144.658.300

4.2 Các khoản phải thu

	30/06/2011		31/12/2010	
	Tổng số VND	Số nợ quá hạn VND	Tổng số VND	Số nợ quá hạn VND
Phải thu của khách hàng	12.852.552.532	413.589.435	20.059.265.515	-
Trả trước cho người bán(*)	3.984.309.990	-	413.003.606	-
Dự phòng phải thu	(413.589.435)	-	-	-
Cộng	16.423.273.087	413.589.435	20.472.269.121	-

4.3 Hàng tồn kho

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.096.858.861	9.265.965.028
Công cụ, dụng cụ	419.828.348	451.296.689
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.067.153.685	4.984.365.401
Hàng hoá	128.000.833	-
Cộng	12.711.841.727	14.701.627.118

4.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	600.000.000	220.898.900
Cộng	600.000.000	220.898.900

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DNN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4.5 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 31/12/2010	4.145.785.395	2.024.700.000	1.475.803.965	58.076.264	7.704.365.624
Tăng trong kỳ	1.101.535.438	-	-	-	1.101.535.438
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.101.535.438	-	-	-	1.101.535.438
Số dư tại 30/06/2011	5.247.320.833	2.024.700.000	1.475.803.965	58.076.264	8.805.901.062

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 31/12/2010	113.526.793	411.909.652	322.706.837	38.283.260	886.426.542
Tăng trong kỳ	103.644.636	64.504.824	114.672.662	7.259.532	290.081.654
Khấu hao trong kỳ	103.644.636	64.504.824	114.672.662	7.259.532	290.081.654
Số dư tại 30/06/2011	217.171.429	476.414.476	437.379.499	45.542.792	1.176.508.196

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 31/12/2010	4.032.258.602	1.612.790.348	1.153.097.128	19.793.004	6.817.939.082
Tại 30/06/2011	5.030.149.404	1.548.285.524	1.038.424.466	12.533.472	7.629.392.866

Giá trị còn lại của tài sản cầm cố thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2011 là 4.919.995.860 đồng

4.6 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 31/12/2010	112.752.000	12.500.000	125.252.000
Số dư tại 30/06/2011	112.752.000	12.500.000	125.252.000

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 31/12/2010	10.147.680	11.458.334	21.606.014
Tăng trong kỳ	2.818.807	1.041.666	3.860.473
Khấu hao trong kỳ	2.818.807	1.041.666	3.860.473
Số dư tại 30/06/2011	12.966.487	12.500.000	25.466.487

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 31/12/2010	102.604.320	1.041.666	103.645.986
Tại 30/06/2011	99.785.513	-	99.785.513

4.7 Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành Nam (*)	3.935.337.800	2.950.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	-	4.600.000.000
Cộng	3.935.337.800	7.550.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DNN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành Nam gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng vay số 3202LA200900858 ngày 15/01/2010 kèm theo các phụ lục hợp đồng sửa đổi với mức dư nợ cao nhất 3.400.000.000 đồng, mục đích vay thực hiện dự án xây dựng. Hợp đồng vay được thực hiện theo từng lần nhận nợ. Lãi suất vay: 12%/năm được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Biện pháp bảo đảm là thế chấp cầm cố bằng nhà điều hành hai tầng.

Hợp đồng vay số 3202LA200900858 ngày 16/01/2011 với hạn mức tín dụng là 4.460.000.000 đồng, mục đích vay là thi công, xây dựng các công trình. Hợp đồng vay được thực hiện theo từng lần nhận nợ. Lãi suất vay: 18%/năm và được điều chỉnh từng lần theo chính sách của Ngân hàng. Biện pháp bảo đảm là thế chấp cầm cố tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản số KD 29150542 ngày 17/6/2009, KD10150526 ngày 19/6/2010, KD210150532 ngày 16/7/2010.

4.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	524.113.865	309.826.716
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.473.726.676	1.364.833.650
Cộng	1.997.840.541	1.674.660.366

4.9 Các khoản vay và nợ dài hạn

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành Nam	360.000.000	580.000.000
Hợp đồng tín dụng số 3202LAV200900 ngày 17/06/2009 với mức dư nợ cao nhất là 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay vốn là 60 tháng. Giấy nhận nợ lần 1 ngày 21/07/2009 mức dư nợ 800.000.000 đồng. Khoản vay với mục đích thanh toán tiền thi công công trình nhà điều hành. Lãi suất tiền vay là 10,5%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn lãi suất cơ bản tăng thì lãi suất cho vay cũng được điều chỉnh tăng tương ứng.	360.000.000	580.000.000
Cộng	360.000.000	580.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Báo cáo tài chính

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DNN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.10 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng Cộng VND
Số dư tại 31/12/2009	12.000.000.000	-	-	222.700.163	12.222.700.163
Tăng trong kỳ	13.000.000.000	-	-	4.075.365.721	17.075.365.721
Tăng vốn	13.000.000.000	-	-	-	13.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	4.075.365.721	4.075.365.721
Số dư tại 31/12/2010	25.000.000.000	-	-	4.298.065.884	29.298.065.884
Số dư tại 31/12/2010	25.000.000.000	-	-	4.298.065.884	29.298.065.884
Tăng trong kỳ	-	50.000.000	50.000.000	290.499.466	390.499.466
Tăng do chia quỹ	-	50.000.000	50.000.000	-	100.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	290.499.466	290.499.466
Giảm trong kỳ	-	-	-	150.000.000	150.000.000
Giảm do chia quỹ	-	-	-	150.000.000	150.000.000
Số dư tại 30/06/2011	25.000.000.000	50.000.000	50.000.000	4.438.565.350	29.538.565.350

Ghi chú: Theo Nghị quyết số 01/2011/KTT/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông năm 2011, quyết định phương án trích lập quỹ dự phòng tài chính là 50 triệu đồng, quỹ đầu tư phát triển là 50 triệu đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi là 50 triệu đồng và Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 15% cho cổ đông hiện hữu (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu cũ sẽ nhận được thêm 15 cổ phiếu mới) từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/06/2011

Cổ đông	Cơ cấu sở hữu		
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Hoàng Hữu Tuấn	250.000	10	2.500.000.000
Mai Vũ Thạch	220.000	8,8	2.200.000.000
Cổ đông khác	2.030.000	81,2	20.300.000.000
Tổng	2.500.000	100	25.000.000.000

Cổ phiếu	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.500.000	2.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.500.000	2.500.000
+ Cổ phiếu thường	2.500.000	2.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
+ Cổ phiếu thường	2.500.000	2.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DNN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.11 Doanh thu bán hàng**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu công trình xây lắp	10.246.145.088	5.100.394.558
Doanh thu bán hàng	-	10.527.214.352
Cộng	10.246.145.088	15.627.608.910

4.12 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn công trình xây lắp	7.568.911.489	4.602.377.969
Giá vốn hàng bán	-	6.994.526.008
Cộng	7.568.911.489	11.596.903.977

4.13 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi	9.818.064	4.692.678
Cộng	9.818.064	4.692.678

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền vay	692.583.933	190.538.973
Chi phí hoạt động tài chính khác	20.957.412	-
Cộng	713.541.345	190.538.973

4.15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	399.392.492	2.945.276.593
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	36.179.611	-
Trừ (-): Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng (+): Các khoản chi phí không được khấu trừ	36.179.611	-
Thu nhập chịu thuế	435.572.103	2.945.276.593
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông	108.893.026	736.319.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (*)	-	736.319.148
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	108.893.026	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Lô 55 Đường N2, Cụm Công nghiệp An Xá

Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DNN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

(*) Theo biên bản xác nhận đăng ký đầu tư dự án, số 07121000076 ngày 14 tháng 08 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định thì Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động. Năm 2010 là năm thứ 2 Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp.

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	290.499.466	2.945.276.593
+ Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	290.499.466	2.945.276.593
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.500.000	2.104.658
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	116	1.399

4.17 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

4.18 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

4.19 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Báo cáo cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính - **Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International**

Mai Vũ Thạch**Giám đốc**

Nam Định, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Trần Thị Hồng Mến**Kế toán trưởng**